

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2022/DS-PT
Ngày: 18-5-2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Yến
Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Những
Ông Nguyễn Văn Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi, Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 101/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 395 ấp B, xã N, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 392 ấp B, xã N, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Duy Th, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 12 năm 2020).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1966.

3.2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978.

3.3. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

3.4. Bà Nguyễn Thanh Ph, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 51/15 đường N, phường 5, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

3.5. Bà Nguyễn Thị Thanh Ch, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3.6. Bà Vũ Thị Th, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 392 ấp B, xã N, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Vũ Thị Th: Ông Trần Duy Th, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 5 năm 2022).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/8/2020 và những lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Nguyễn Văn Ch trình bày như sau:

Ông đang quản lý sử dụng phần đất thửa số 265, tờ bản đồ số 18, tọa lạc ấp B, xã N, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An và được Ủy ban nhân dân huyện Tân Trụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 13/10/2014. Nguồn gốc phần đất này do ông nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn N vào năm 2000, giáp ranh thửa 265 là thửa 268 do bà Trần Thị B quản lý sử dụng.

Năm 2001 giữa ông N, bà B và ông có thỏa thuận cắm 03 cọc mốc làm ranh với nhau. Năm 2009 ông T đã nhổ 02 cọc mốc và di dời cắm chỗ khác 01 cọc mốc.

Năm 2014 bà B mất, trước đó ông T có cất nhà trên thửa đất 268 nhưng cất đúng ranh đất. Đến năm 2020 ông T cất nhà cố định xây vách tường trên thửa đất 268 và có lấn sang đất của ông. Khi ông T xây nhà, ông có yêu cầu ông T xây đúng ranh nhưng ông T vẫn lấn đất ông.

Nay ông yêu cầu ông T di dời tài sản trả lại phần đất lấn chiếm vị trí A có diện tích 21,6m² theo Mạnh trích đo địa chính số 118-2021, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân Trụ duyệt ngày 28/5/2021. Trên phần đất đang tranh chấp có bức tường nhà của ông T. Hiện nay, ông không có thể chấp quyền sử dụng đất thửa 265 tờ bản đồ số 18.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T do ông Trần Duy Th đại diện trình bày:

Ông T là con của bà Trần Thị B (đã chết năm 2014) và ông Nguyễn Văn M (đã chết). Ông M và bà B có các người con gồm: Ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thanh Ph, bà Nguyễn Thị Thanh

H, bà Nguyễn Thị Thanh Ch. Ngoài ra, ông M và bà B không có con riêng, con nuôi nào khác.

Bà B chết năm 2014 để lại di sản là quyền sử dụng đất thửa số 268, tờ bản đồ số 18, tọa lạc ấp B, xã N, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, hiện nay ông T đang quản lý sử dụng thửa đất này.

Năm 2006 ông T có xây nhà vách lá sinh sống trên thửa đất này, năm 2020 ông T xây nhà vách tường nhưng đúng vị trí của nhà cũ. Ông Ch có tranh chấp quyền sử dụng đất với ông T nhưng tại Ủy ban nhân dân xã Nhựt Ninh các bên đã thống nhất ranh với nhau. Ông T xác định không có lấn đất của ông Ch và không đồng ý theo yêu cầu của ông Ch.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H đồng thời đại diện cho ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thanh Ph, bà Nguyễn Thị Thanh Ch trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của đại diện bị đơn. Ông T đang quản lý sử dụng thửa đất số 268, tờ bản đồ số 18 tọa lạc ấp B, xã N, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An có nguồn gốc do bà B chết để lại cho con. Năm 2020 ông T xây nhà, giữa ông T và ông Ch có xảy ra tranh chấp ranh. Cán bộ địa chính có đến khảo sát và các bên thống nhất ranh nên ông T tiếp tục xây nhà. Ông T không có lấn đất của ông Ch nên không đồng ý theo yêu cầu của ông Ch.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Th vắng mặt, nhưng tại bản trình bày ý kiến có nội dung như sau: Bà không đồng ý với yêu cầu của ông Ch vì nhà bà không có lấn đất của ông Ch.

Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa các bên nhưng kết quả không thành nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 100, Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ch về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” với ông Nguyễn Thanh T.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ch về yêu cầu ông Nguyễn Thanh T di dời tài sản và trả lại phần đất tại vị trí khu A, diện tích 21,6m² theo Mạnh trích đo địa chính số 118-2021 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân Trụ duyệt ngày 28/5/2021, phần đất tọa lạc ấp B, xã N, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Ch phải chịu số tiền 19.900.000 đồng (Mười chín triệu, chín trăm nghìn đồng), ông Ch đã nộp xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Ch phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất không được chấp nhận nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004380 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Ông Ch đã nộp xong.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/01/2022 nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ch kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không đưa bà Hồ Thị H là vợ của ông tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Về nội dung: Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ không xem xét các chứng cứ khách quan của vụ án, từ đó ban hành bản án không đúng quy định pháp luật, phần đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông nhưng không xem xét là đã xâm phạm đến quyền và lợi ích của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ch vẫn giữ yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không đưa bà Hồ Thị H là vợ của ông tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và không xem xét các chứng cứ khách quan của vụ án, từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Thửa đất số 265, diện tích 1043,6m² tại ấp B, xã N, huyện Tân Trụ do ông Nguyễn Văn Ch quản lý sử dụng giáp với thửa đất số 268 do ông Nguyễn Thanh T quản lý, sử dụng. Theo Mảnh trích đo địa chính số 118-2021 thì diện tích thửa đất 265 thiếu 91,6m²; thửa đất 268 thiếu 192,7m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ranh bản đồ địa chính thì khu A nằm hoàn toàn trong thửa đất số 268 do ông T quản lý, sử dụng. Đồng thời cạnh giáp thửa 266, 267 của thửa 265 có chiều dài thực tế là 20,6m; nếu cộng thêm 1,4m cạnh này sẽ tăng nhiều so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 20,29m. Ông Ch cho rằng ông T đã di dời trụ mốc ranh đã thỏa thuận vào năm 2001 của thửa 265 và 268 nhưng ông T không thừa nhận, ông Ch không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Ngoài ra, biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã Nhựt Ninh ngày 20/3/2020, Hội đồng hòa giải xã xác định ông T không có lấn đất của ông Ch.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ch được thực hiện đúng quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Thanh Ph, bà Nguyễn Thị Thanh Ch vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[3] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

[3.1] Nguồn gốc thửa đất số 265, tờ bản đồ số 18, diện tích 1043,6m² tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An do ông Nguyễn Văn Ch nhận chuyển nhượng lại của ông Trần Văn N vào năm 2008, theo hệ thống bản đồ năm 2003 là thửa đất số 429, tờ bản đồ số 18, diện tích 1042m² được Ủy ban nhân dân huyện Tân Trụ cấp cho ông Nguyễn Văn Ch vào năm 2008 là cấp lần đầu. Do thay đổi hệ thống tọa độ bản đồ mới, ngày 13/3/2014 ông Ch đăng ký thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện Tân Trụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 13/10/2014, diện tích thửa đất có sự biến động tăng nhưng không nhiều (tăng 1,6m²).

[3.2] Nguồn gốc thửa đất số 268, tờ bản đồ số 18, diện tích 513,8m² theo hệ thống bản đồ năm 2003 là thửa đất số 417, tờ bản đồ số 18, diện tích 648m² tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An được Ủy ban nhân dân huyện Tân Trụ cấp cho bà Trần Thị B vào ngày 28/5/2013 do nhận tặng cho từ ông Trần Thiện Th. Bà B chưa thực hiện việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa đất số 417 thành thửa đất số 268. Bà B chết vào năm 2014, hiện nay thửa đất số 268 do ông Nguyễn Thanh T (con trai bà B) quản lý, sử dụng.

[3.3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ch, thấy rằng:

Theo các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn, bị đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện:

[3.3.1] Theo Mảnh trích đo địa chính số 118-2021 do Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất Trung Nghĩa đo đạc, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Tân Trụ duyệt ngày 28/5/2021 thì diện tích thực tế của hai thửa đất số 265 và 268 đều thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nguyên đơn và bị đơn được cấp.

[3.3.2] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 265 mà ông Ch được Ủy ban nhân dân huyện Tân Trụ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 13/10/2014 thì cạnh giáp với thửa đất số 266, 267 có chiều dài 20,6m, lớn hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Ch được cấp là 0,31m ($8,31\text{m} + 11,98\text{m} = 20,29\text{m}$). Tại vị trí tranh chấp giáp với thửa đất số 268 của bà Trần Thị B có chiều dài thực tế 32,8m, ít hơn 0,85m so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Ch được cấp ($33,65 - 32,8\text{m} = 0,85\text{m}$). Tuy nhiên, theo ranh bản đồ địa chính và hình thể giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Ch được cấp, cạnh này được thể hiện là một đường thẳng, không đi xéo vào thửa đất 268 như hiện trạng bản vẽ tại khu A. Nếu cộng chiều dài của phần đất tranh chấp 1,4m vào thửa 265 thì cạnh giáp thửa 266, 267 có chiều dài 22m ($20,6\text{m} + 1,4\text{m} = 22\text{m}$) sẽ tăng hơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Ch được cấp là 1,71m.

[3.3.3] Theo ranh bản đồ địa chính thì phần đất tranh chấp tại khu A nằm hoàn toàn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị B (hiện nay do ông Nguyễn Thanh T quản lý, sử dụng). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ch về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh T di dời tài sản, trả lại phần đất tại vị trí khu A có diện tích $21,6\text{m}^2$ theo Mảnh trích đo địa chính số 118-2021 do Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Tân Trụ duyệt ngày 28/5/2021 là có căn cứ.

[3.3.4] Mặt khác, tại Biên bản hòa giải tranh chấp ranh giới đất giữa ông Nguyễn Văn Ch với ông Nguyễn Thanh T vào ngày 20/3/2020 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An: Theo kết quả xác minh của địa phương, ranh giới đất giữa ông Ch và ông T đã có sẵn 03 trụ bê tông và xác định ông T không có lấn đất của ông Ch, biên bản hòa giải ông Ch và ông T đều tham gia và có ký tên vào biên bản.

[3.4] Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ch yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không đưa bà Hồ Thị H là vợ của ông tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, thấy rằng: Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Hồ Thị H tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là thiếu sót. Tuy nhiên, bà Hồ Thị H là vợ ông Ch và sinh sống cùng nhà với ông Ch. Trong vụ án này nguyên đơn ông Ch có kháng cáo, ý kiến của ông Ch cũng là thể hiện ý kiến của bà H nên vẫn đảm bảo quyền lợi đối với bà Hồ Thị H. Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt bà H, bà H trình bày rằng muốn tham gia tố tụng trình bày ý kiến tại giai đoạn sơ thẩm thay ông Ch vì ông Ch trình bày không mạch lạc nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không cho bà trình bày; bà thống nhất với lời trình bày của ông Ch không có ý kiến gì khác. Do đó, cấp phúc thẩm xét thấy không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm đối với thiếu sót nêu trên.

[4]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm do ông Nguyễn Văn Ch yêu cầu là 1.600.000 đồng, ông Ch đã nộp và chi phí xong. Do yêu cầu

của ông Ch không được chấp nhận nên ông Ch phải chịu chi phí này.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp, đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Ch phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ch.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 100, Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ch về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với ông Nguyễn Thanh T tại vị trí khu A có diện tích 21,6m², tờ bản đồ số 18, tọa lạc ấp B, xã N, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

(Vị trí, kích thước của khu đất kèm theo Mảnh trích đo địa chính số 118-2021 ngày 27/5/2021 do Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất Trung Nghĩa đo đạc, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân Trụ phê duyệt ngày 28/5/2021).

2. Về chi phí tố tụng (đo đạc; xem xét, thẩm định tại chỗ; thẩm định giá tài sản tranh chấp) ở giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm là 21.500.000 đồng, ông Ch đã nộp và chi phí xong. Do yêu cầu của ông Nguyễn Văn Ch không được chấp nhận nên ông Ch phải chịu toàn bộ chi phí này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Ch phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004380 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An sang thi hành án phí.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Ch phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0007149 ngày 26/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An sang thi hành án phí phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Ngọc Yến

